TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2023/HS-PT
Ngày: 22/3/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng;

Các Thẩm phán: Ông Võ Nguyên Tùng và ông Trần Minh Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hồng – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 93/2022/TLPT-HS ngày 16 tháng 12 năm 2022 đối với bị cáo Lê Thanh H, Trần Thị Ngọc B do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2022/HS-ST ngày 08/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Thanh H, sinh năm 1976 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi cư trú: thôn Phước L, xã Sơn G, huyện SH, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Q, sinh năm 1950 và bà Hồ Thị H1, sinh năm 1955; vợ Lê Thị Tr, sinh năm 1976; có 04 con lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Trần Thị Ngọc B, sinh năm 1981 tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: thôn Tân H, xã Sơn H, huyện SH, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: làm nông; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn C, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1961; chồng Nguyễn Tấn Đ (đã chết); có 04 con lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Uỷ ban nhân dân xã Sơn H, huyện SH, tỉnh Phú Yên – Do ông Trần Ngọc T – Chức vụ: Chủ tịch làm đại diện, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết trong quá trình đi làm thuê nên trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 7/2021, Lê Thanh H đã rủ Trần Thị Ngọc B đến tại khu vực Suối Q thuộc khoảnh 7, tiểu khu 16X xã Sơn H, huyện SH chặt phá rừng trái phép để lấy đất sản xuất và được B đồng ý. H dùng cưa lốc hạ cây có đường kính lớn còn B dùng rựa phát dọn cây nhỏ và dây leo. Ngày 26/8/2021, Ủy ban nhân dân xã Sơn H, huyện SH phát hiện lập biên bản vi phạm và báo cơ quan chức năng điều tra, xử lý theo quy định pháp luật.

Kết luận giám định tư pháp số 972/KLGĐ-CCKL ngày 20/9/2021 của Chi cục kiểm lâm tỉnh Phú Yên kết luận: Lê Thanh H và Trần Thị Ngọc B hủy hoại 8.200m^2 chức năng rừng sản xuất tại vị trí 1 thuộc khoảnh 7, tiểu khu 165 xã Sơn Hội.

Kết luận định giá số 13/KL-ĐGTS ngày 04/10/2021 xác định: Tổng giá trị thiệt hại do hành vi hủy hoại rừng của Lê Thanh H và Trần Thị Ngọc B gây ra 84.512.620đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2022/HS-ST ngày 08/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện SH, tỉnh Phú Yên đã tuyên Lê Thanh H, Trần Thị Ngọc B phạm tội "Hủy hoại rừng". Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; Điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù; Trần Thị Ngọc B 01 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Về dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 của Bộ luật dân sự;

- Buộc bị cáo Lê Thanh H phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Ủy ban nhân dân xã Sơn H, huyện SH số tiền 30.756.000đ về khoản thiệt hại lâm sản và môi trường.

- Buộc bị cáo Trần Thị Ngọc B phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Ủy ban nhân dân xã Sơn H, huyện SH số tiền 29.756.000đ về khoản thiệt hại lâm sản và môi trường.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/11/2022, bị cáo Lê Thanh H, Trần Thị Ngọc B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 06/12/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên kháng nghị số 01/QĐ-VKS-P7 theo hướng xác định tư cách tham gia tố tụng của Uỷ ban nhân

dân xã Sơn H là nguyên đơn dân sự; buộc các bị cáo Lê Thanh H và Trần Thị Ngọc B liên đới bồi thường cho Uỷ ban nhân dân xã Sơn H 84.512.620 đồng. Tại phiên toà, kiểm sát viên bổ sung kháng nghị đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo B được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo vẫn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên và giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 357 BLTTHS - chấp nhận kháng nghị của VKSND tỉnh Phú Yên và một phần kháng cáo của bị cáo B; sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự và phần hình phạt đối với bị cáo B; Căn cứ Điều 356 BLTTHS; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H – Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo H.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; Điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo; áp dụng thêm Điều 65 BLHS đối với bị cáo Bích; Xử phạt: Bị cáo Lê Thanh H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án. Bị cáo Trần Thị Ngọc B - 01 năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Về phần trách nhiệm dân sự: buộc các bị cáo Lê Thanh H và Trần Thị Ngọc B liên đới bồi thường cho Uỷ ban nhân dân xã Sơn H 84.512.620 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường 42.256.310 đồng. Bị cáo Lê Thanh H đã bồi thường 4.000.000 đồng nên còn phải tiếp tục bồi thường 38.256.310 đồng. Bị cáo Trần Thị Ngọc B đã bồi thường 10.000.000 đồng nên còn phải tiếp tục bồi thường 32.256.310 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên toà, Kiểm sát viên bổ sung kháng nghị với nội dung đề nghị hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Trần Thị Ngọc B được hưởng án treo. Hội đồng xét xử thấy: nội dung bổ sung kháng nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà không làm xấu hơn tình trạng của bị cáo nên căn cứ Điều 342 BLTTHS, hội đồng xét xử chấp nhận nội dung bổ sung kháng nghị của kiểm sát viên tại phiên toà.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Thanh H, Trần Thị Ngọc B tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan,

phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 7/2021, Lê Thanh H đã rủ Trần Thị Ngọc B đến tại khu vực Suối Q thuộc khoảnh 7, tiểu khu 16X xã Sơn H, huyện SH chặt phá trái phép 8.200m^2 rừng sản xuất, gây thiệt hại về lâm sản và môi trường trị giá 84.512.620đ nên cấp sơ thẩm đã truy tố và xét xử các bị cáo Lê Thanh H, Trần Thị Ngọc B về tội "Hủy hoại rừng" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Xét kháng nghị của VKSND tỉnh Phú Yên về việc xác định tư cách tham gia tố tụng và trách nhiệm bồi thường thiệt hại của các bị cáo, HĐXX thấy:

Đối với diện tích 8.200m^2 rừng sản xuất mà các bị cáo Lê Thanh H, Trần Thị Ngọc B chặt phá trái phép là thuộc sở hữu Nhà nước, giao cho Uỷ ban nhân dân xã Sơn H quản lý nên Uỷ ban nhân dân xã Sơn H tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là nguyên đơn dân sự nhưng cấp sơ thẩm xác định Uỷ ban nhân dân xã Sơn H là bị hại và áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "bị hại xin giảm nhẹ hình phạt" là không đúng. Mặc khác, cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của bị hại về giảm 15.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại cho hai bị cáo, chỉ buộc các bị cáo bồi thường 69.512.620 đồng là không phù hợp, gây thất thoát tài sản Nhà nước. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên là có căn cứ nên chấp nhận. Buộc các bị cáo Lê Thanh H và Trần Thị Ngọc B liên đới bồi thường cho Uỷ ban nhân dân xã Sơn Hội 84.512.620 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường 42.256.310 đồng. Bị cáo Lê Thanh H đã bồi thường 4.000.000 đồng nên còn phải tiếp tục bồi thường 38.256.310 đồng. Bị cáo Trần Thị Ngọc B đã bồi thường 10.000.000 đồng nên còn phải tiếp tục bồi thường 32.256.310 đồng.

[4] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên đề nghị cho bị cáo B được hưởng án treo và kháng cáo của bị cáo Trần Thị Ngọc B, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài nguyên môi trường gây ảnh hưởng xấu đến công tác quản lý, bảo vệ rừng. Sau khi được bị cáo H rủ rê, bị cáo đã dùng rựa cùng bị cáo H thực hiện chặt phá rừng trái phép để lấy đất sản xuất nên cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo tiếp tục nộp khắc phục 5.000.000đ, thể hiện bị cáo thực sự rất ăn năn hối cải, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, một mình phải nuôi 04 con ăn học, trong đó có 03 cháu chưa đến tuổi trưởng thành nên chấp nhận kháng nghị bổ sung

(có lợi đối với bị cáo) của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên và một phần kháng cáo của bị cáo, không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà cho bị cáo được hưởng chính sách pháp luật hình sự quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[5] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thanh H: Hành vi phạm tội của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến môi trường sinh thái, nguồn tài nguyên quý giá của đất nước, được Nhà nước bảo vệ, bị cáo là người khởi xướng, rủ rê bị cáo B thực hiện hành vi phạm tội nên cần xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Khi lượng hình án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS để xử phạt bị cáo Lê Thanh H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù và không có bị cáo hưởng án treo là phù hợp. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo mà chấp nhận ý kiến đề nghị của kiểm sát viên – Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

[6] Bị cáo H kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo B không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Do chấp nhận kháng nghị, sửa phần trách nhiệm bồi thường dân sự của các bị cáo nên sửa án phí dân sự sơ thẩm cho đúng quy định của pháp luật.

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 356 BLTTHS; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H – Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Hoàng;

Căn cứ điểm e khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 357 BLTTHS; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên và một phần kháng cáo của bị cáo Trần Thị Ngọc B - Sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm bồi thường dân sự và hình phạt đối với bị cáo B;

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thanh H, Trần Thị Ngọc B phạm tội "Hủy hoại rừng".

1. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243; Điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo; áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo B; Xử phạt:

Bị cáo Lê Thanh H - 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Bị cáo Trần Thị Ngọc B- 01 (Một) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị Ngọc B cho Ủy ban nhân dân xã Sơn Hội, huyện Sơn Hoà, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Trần Thị Ngọc B có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục bị cáo thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 của Bộ luật dân sự;

Buộc các bị cáo Lê Thanh H và Trần Thị Ngọc B liên đới bồi thường cho Uỷ ban nhân dân xã Sơn H 84.512.620 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường 42.256.310 đồng. Bị cáo Lê Thanh H đã bồi thường 4.000.000 đồng nên còn phải tiếp tục bồi thường 38.256.310 đồng. Bị cáo Trần Thị Ngọc B đã bồi thường 10.000.000 đồng nên còn phải tiếp tục bồi thường 32.256.310 đồng.

Uỷ ban nhân dân xã Sơn H, huyện SH, tỉnh Phú Yên được nhận số tiền 14.000.000đ (*Mười bốn triệu đồng*) do các bị cáo nộp khắc phục hậu quả, cụ thể: Bị cáo Trần Thị Ngọc B nộp số tiền 10.000.000đ tại các biên lai thu tiền số 001302 ngày 20/9/2022 (số tiền 3.000.000đ), tại biên lai thu tiền số 0001308 ngày 08/11/2022 (số tiền 2.000.000đ), tại biên lai thu tiền số 001316 ngày 23/12/2022 (số tiền 5.000.000đ) của Chi cục thi hành án dân sự huyện SH, tỉnh Phú Yên. Bị cáo Lê Thanh H nộp số tiền 4.000.000đ tại các biên lai thu tiền số 0001303 ngày 23/9/2022 (số tiền 2.000.000đ), tại biên lai thu tiền số 001307 ngày 08/11/2022 (số tiền 2.000.000đ) của Chi cục thi hành án dân sự huyện SH, tỉnh Phú Yên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong nghĩa vụ của mình thì phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và phần nghĩa vụ chưa thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyên thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí:

Bị cáo Lê Thanh H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm và 1.912.815 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo Trần Thị Ngọc B phải chịu 1.862.815 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC Đà Nẵng (1);
- VKSNDCC Đà Nẵng (1);
- TAND huyện Sơn Hòa (2);
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- VKSND huyện Sơn Hòa (1);
- Công an huyện Sơn Hòa (1);
- Sở tư pháp (1);
- PV 06 (1);
- Bị cáo;
- P.KTNV (1);
- Lưu hồ sơ (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Việt Hùng